

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 30/TTP/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam.
2. Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
3. Điện thoại: 028 38257110 Fax:
4. E-mail: thinhatkhanh.huyen@tetrapak.com
5. Mã số doanh nghiệp: 0302803331
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Nắp nhựa HELICAP (màu xanh dương)**
2. Thành phần: vật liệu cấu tạo phần tiếp xúc với thực phẩm là: Nhựa Polyethylen và polypropylen
 - Nắp ngoài : Nhựa PE.
 - Nắp trong: Nhựa PP + PE
 - Răng cưa: Nhựa PP
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Thông tin kỹ thuật và kích thước sản phẩm:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong túi nilon, sau đó được đóng gói trong thùng carton. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói trong thùng carton 3000 nắp / thùng .Các thùng carton được đặt lên các pallet (24 thùng/pallet).

- Kích thước sản phẩm:

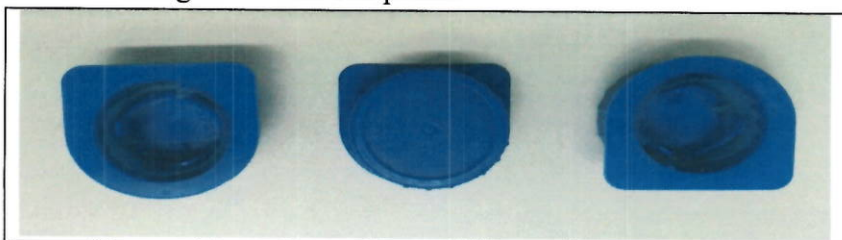
- + Khối lượng nắp: $3,90 \text{ g} \pm 0,20(\text{g})$
- + Chiều cao: $16,65 \text{ (mm)} \pm 0,25 \text{ (mm)}$
- + Chiều dài: $31,4 \text{ (mm)} \pm 0,2 \text{ (mm)}$
- + Chiều rộng: $33,1 \text{ (mm)} \pm 0,2 \text{ (mm)}$
- + Đường kính: $29.75 \text{ +/- } 0,2 \text{ (mm)}$

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (nếu có):

- Nhà sản xuất: **Tetra Pak (Thailand) Limited**
- Địa chỉ: Eastern Seaboard Industrial Estate (Rayong) 109 Moo 4, Highway 331, Pluak Daeng, Rayong 21140 THAILAND

III./ Mẫu nhãn sản phẩm:

- Nhãn góc và hình sản phẩm:



ART.No : A100000245		R3 Version AB	Blue P2945C
ART.DESCRPTION : Helicap3 27 mm Blue P2945C PA001			
Country of origin THAILAND	Plant: 525	Prod. Date : 19/07/18	
Batch: 5259199079		Content: 97329003346387	
Var. Count: 3000		Box No.: 0245	
Best Before: 21/07/18			


2459199079732990


52591990790245100000245PC 003000


(01)97329003346387(15)210718(10)5259199079

**FOR FOOD
CONTACT**


- Nội dung nhãn phụ sản phẩm

NẮP NHỰA HELICAP (màu xanh dương)

Vật liệu cấu tạo phần tiếp xúc thực phẩm: Nhựa Polyethylen và polypropylen

Kích thước sản phẩm: + Khối lượng nắp: 3,90 g $\pm$ 0.20(g), Cao: 16,65 (mm) $\pm$ 0,25 (mm),
Dài: 31,4 (mm) $\pm$ 0,2 (mm), Rộng: 33,1 (mm) $\pm$ 0,2 (mm), Đường kính: 29,75 +/- 0,2 (mm).

Hướng dẫn sử dụng:

- Sản phẩm nắp nhựa – Helicap được sử dụng để đóng kín và mở nắp hộp sản phẩm dạng lỏng.
- Thùng chứa sản phẩm phải được đưa về khu vực sử dụng ít nhất 48 tiếng trước khi mở thùng.
- Mở thùng carton, dùng dụng cụ sạch chuyên nắp vô hộc chứa của máy dán nắp.
- Các sản phẩm dùng dở phải được bọc kỹ.

Hướng dẫn bảo quản:

- Nắp nhựa Helicap được chứa trong túi nilon, lưu trữ trong thùng carton đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo yêu cầu của Bộ Y Tế
- Nắp thùng phải được dán kín trong quá trình bảo quản và lưu thông.
- Sản phẩm cần được bảo quản trong kho sạch, tránh ẩm và ánh sáng chiếu trực tiếp.
- Điều kiện bảo quản: Nhiệt độ khoảng từ 10 độC đến 40 độC.

Ngày sản xuất: xem “Pro.date” trên bao bì (năm/tháng/ngày)

Hạn sử dụng: xem “Best before” trên bao bì (năm/tháng/ngày)

Xuất xứ: THAILAND

Nhà sản xuất: Tetra Pak (Thailand) Limited

Địa chỉ: Eastern Seaboard Industrial Estate (Rayong) 109 Moo 4, Highway 331, Pluak Daeng, Rayong 21140 THAILAND

Công bố sản phẩm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM

Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 38277100



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Sản phẩm đạt yêu về an toàn thực phẩm theo:

- **QCVN 12-1:2011/BYT** - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
- **21 CFR 178.3297** – Quy định của FDA (US) – Các chất màu dùng cho polymer.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố ./.

TPHCM, ngày 27. Tháng 09. Năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Dương Ngọc Thủy Vy



Số: 2128-1/N3.19/ĐG

Ngày: 18/9/2019

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam
2. Tên mẫu theo khai báo : Nắp nhựa Helicap (màu xanh dương)
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu: 10/9/2019
5. Căn cứ giám định :
 - 5.1) QCVN 12-1:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
 - 5.2) 21 CFR 178.3297 – Quy định của FDA (US) – Các chất màu dùng cho polymer.

6. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

Stt	Tên chỉ tiêu	Kết quả giám định	Giới hạn tối đa cho phép nêu tại mục 5
6.1	Ngoại quan		-
6.2	Định danh nhựa	Polyethylen và polypropylen	Thuộc nhóm nhựa nêu tại mục 5.1
6.3	Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, µg/g		
	- Chì (Pb)	< 5	100
	- Cadimi (Cd)	< 5	
6.4	Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, µg/mL		
	- Trong nước, 60°C, 30 phút	< 5	30
	- Trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút	< 5	
	- Trong n-heptan, 25°C, 60 phút	20	
6.5	Khả năng thôi màu từ mẫu trong các chất chiết nêu tại mục Stt 6.4	Không thôi màu	Không thôi màu
6.6	Hàm lượng kim loại nặng (quì ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, µg/mL	< 1	1
6.7	Hàm lượng KMnO ₄ tiêu thụ trong nước chiết được từ mẫu, 60°C, 30 phút, µg/mL	< 1	10

7. **Kết luận:** Mẫu nêu trên có kết quả các chỉ tiêu thử nghiệm phù hợp với mức quy định nêu tại mục 5 đối với **Nắp nhựa** tiếp xúc trực tiếp với các loại **thực phẩm, thức uống không chứa cồn**.

Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị cho mẫu nêu trên

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Dương Thị Phương Thảo

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thái Hùng

Ref: 2128-1/N3.19/DG

Date: 18 September 2019

CERTIFICATE OF INSPECTION

1. Client : Tetra Pak Viet Nam Corporation
2. Declared name of sample : Helicap plastic cap (ultramarine color)
3. Number of sample : 01 4. Sample submitted on: 10 September 2019
5. Inspection criteria :
5.1) QCVN 12-1:2011/BYT- National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods.
5.2) 21 CFR 178.3297 - FDA (US) - Colorants for polymers.

6. INSPECTION RESULT

No.	Characteristic	Inspection result	Maximum permitted levels at item 5
6.1	Appearance		-
6.2	Identification of plastic	Polyethylene and polypropylene	Belongs to the plastic group at item 5.1
6.3	Metal content in the material, $\mu\text{g/g}$ - Lead (Pb) - Cadmium (Cd)	< 5 < 5	100
6.4	Content of evaporation residue extracted from the sample, $\mu\text{g/mL}$ - In water, 60°C, 30 min. - In acetic acid 4%, 60°C, 30 min. - In n-heptane, 25°C, 60 min.	< 5 < 5 20	30
6.5	Colorants migration from the sample into the extractives stated at item No. 6.4	No visible migration	No visible migration
6.6	Heavy metal content (as lead) extracted from the sample in the acetic acid 4%, 60°C, 30 min., $\mu\text{g/mL}$	< 1	1
6.7	Content of KMnO_4 consumed in water extracted from the sample, 60°C, 30 min., $\mu\text{g/mL}$	< 1	10

7. **Conclusion:** The obtained test result of the above sample conforms to the permitted levels specified at item 5 for the *Plastic cap* intended to come into direct contact with **non-alcoholic foods and drinks**.

F.N: This certificate is valid for the above sample only.

INSPECTOR



DUONG THI PHUONG THAO

DIRECTOR




NGUYEN THAI HUNG

KT3-04957AHD9/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

16/09/2019
Trang 01/02

1. Tên mẫu : **NẮP NHỰA HELICAP (MÀU XANH DƯƠNG)**
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
2128/N3.19/ĐG/PT
Nhiều nắp nhựa màu xanh dương đậm có răng cưa màu xanh dương nhạt bên trong
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 10/09/2019
5. Thời gian thử nghiệm : 11/09/2019 – 16/09/2019
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM**
235 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q.1, Tp Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

P. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG**Nguyễn Thị Thùy Nhi****TL. GIÁM ĐỐC**
TRUNG TÂM KỸ THUẬT**Phan Thành Trung**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1 Định danh nhựa bằng phương pháp phổ hồng ngoại - nắp ngoài - nắp trong - răng cưa THỬ VẬT LIỆU	-	ASTM E 1252 – 98	-	PE PP + PE PP
7.2 Hàm lượng chì - xanh dương đậm - xanh dương nhạt	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH KPH
7.3 Hàm lượng cadimi - xanh dương đậm - xanh dương nhạt THỬ NGÂM THÔI NHIỄM	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH KPH
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH
7.6 Hàm lượng cặn khô - Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C - Trong nước sau 30 phút ở 60 °C - Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL µg/mL µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0 5,0 5,0	20,5 KPH KPH

Ghi chú: KPH: không phát hiện
PP: Polypropylene; PE: Polyethylene

QUATEST 3®

4